TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH P**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ - ST
Ngµy 14 - 02 - 2025
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị H
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy T
Ông Lê Anh D

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phùng Thị Hoàng Q - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P tham gia phiên tòa: Ông Đặng Trần Th - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 310/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1982.**
Nơi ĐKHKTT: Tổ 3A, khu H, phường D, thành phố V, tỉnh T Chỗ ở hiện nay: Tổ 37, khu 5, phường H, thành phố V, tỉnh T (Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: **Anh Đỗ Quốc Đ, sinh năm 1978.**
Nơi ĐKHKTT: Tổ 3A, khu H, phường D, thành phố V, tỉnh T (Anh Đ vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Hoàng Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng trong đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 29/11/2024 chị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Quốc Đ đăng ký kết hôn ngày 03/04/2010 tại Uỷ ban nhân dân phường D, thành phố V, tỉnh P, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình vợ chồng chung sống không được hạnh phúc, cho đến tháng 9/2017 anh Đ đi xuất khẩu lao động bên Đài Loan đến tháng 10/2019 anh về thăm nhà được 01 tháng rồi lại sang Đài Loan lao động. Khi anh sang Đài Loan tình cảm vợ chồng bắt đầu rạn nứt, không quan tâm hỏi thăm nhau. Đến tháng 5/2023 tình cảm vợ chồng không còn nữa, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau cho đến

tháng 7/2024 mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng dù lúc đó anh Đ vẫn đang bên Đài Loan nhưng chị đã bỏ ra ngoài thuê nhà sống một mình cùng hai con. Tháng 8/2024 anh Đ về Việt Nam nhưng vợ chồng cũng không sống cùng nhau mà sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn và không quan tâm hay liên quan gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Quốc Đ.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Đỗ Hoàng Linh, sinh ngày 09/04/2011 và Đỗ Hoàng Hải, sinh ngày 14/10/2015. Ly hôn nguyện vọng của chị xin được nuôi dưỡng trực tiếp 02 con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết

- Về nợ chung, công sức: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết

- Bị đơn anh Đỗ Quốc Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do.

Ngày 05/12/2024, Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh Đỗ Quốc Đ cư trú thì được Tư pháp phường D, thành phố V cho biết: Chị Hoàng Thị T và anh Đỗ Quốc Đ đăng ký kết hôn ngày 03/4/2010 tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố V, tỉnh T Quá trình chung sống được Trưởng khu H, phường D cho biết: Năm 2017, anh Đ đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, đến tháng 08/2024 anh Đ về nước, từ khi về Việt Nam vợ chồng anh Đ, chị T không còn chung sống với nhau. Anh Đ và chị T đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 3A, khu H, phường D, thành phố V, tỉnh P nhưng do vợ chồng mâu thuẫn không hàn gắn được nên chị T đã ra ở riêng. Hiện nay, chị T đang tạm trú ở khu 5, phường H, thành phố V, tỉnh T Vợ chồng sống ly thân. Anh Đ hiện nay làm công việc cụ thể ở đâu thì địa phương không được biết nhưng anh Đ vẫn thường xuyên có mặt tại nhà ở tổ 3A, khu H. Nay chị T xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Hộ anh Đ chỉ có vợ chồng anh Đ và hai con là Đỗ Hoàng Linh và Đỗ Hoàng Hải sinh sống, ngoài ra thì không sinh sống cùng bố mẹ hoặc ai khác. Từ ngày chị T chuyển ra ở riêng, hai con của chị T và anh Đ cũng đi ở cùng mẹ. Do vậy, về phần con chung đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật cũng như nguyện vọng của các cháu để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các con chung của chị T và anh Đ.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng do anh Đ vắng mặt nên chị T có đơn từ chối hòa giải, vì vậy vụ án được đưa ra xét xử theo đúng quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố

tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T. Xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Đỗ Quốc Đ.

- Về con chung: Giao hai con chung là cháu Đỗ Hoàng Linh, sinh ngày 09/04/2011 và Đỗ Hoàng Hải, sinh ngày 14/10/2015 cho chị Hoàng Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị T xác định vợ chồng không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết xác định: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn" giữa nguyên đơn chị Hoàng Thị T và bị đơn anh Đỗ Quốc Đ. Anh Đ có hộ khẩu thường trú tại: Tổ 3A, khu H, phường D, thành phố V, tỉnh T Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P là đúng quy định pháp luật.

Nguyên đơn chị Hoàng Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

Bị đơn anh Đỗ Quốc Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy Tòa án căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Đỗ Quốc Đ là vợ chồng và có đăng ký kết hôn hợp pháp ngày 03/4/2010 tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố V, tỉnh T Trong quá trình chung sống, theo như chị T trình bày thì vợ chồng sau khi kết hôn chung sống không được hạnh phúc. Anh Đ đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, Trung Quốc từ tháng 9/2017 đến tháng 10/2019 có về thăm nhà được một tháng rồi anh lại sang Đài Loan lao động. Khi anh Đ sang Đài Loan tình cảm vợ chồng bắt đầu rạn nứt, vợ chồng không quan tâm hỏi thăm nhau. Tháng 05/2023 tình cảm vợ chồng không còn nữa, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau cho đến tháng 7/2024 mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng dù lúc đó anh Đ vẫn đang bên Đài Loan nhưng chị đã bỏ ra ngoài thuê nhà sống một mình cùng hai con. Tháng 8/2024 anh Đ về Việt Nam nhưng vợ chồng cũng không sống cùng nhau, hai vợ chồng sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, tuy không lấy được lời khai của anh Đ nhưng

qua việc xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh Đ cư trú thì được đại diện chính quyền địa phương cho biết: Anh Đ và chị T đăng ký kết hôn ngày 03/4/2010 tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố V, tỉnh T Sau khi kết hôn vợ chồng cùng sinh sống tại tổ 3A, khu H, phường D, thành phố V, tỉnh T Năm 2017, anh Đ đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, đến tháng 08/2024 anh Đ về nước, từ khi về Việt Nam vợ chồng anh Đ, chị T không còn chung sống với nhau, chị T đã ra ở riêng, hai vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Từ những căn cứ nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Đ rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T đối với anh Đ là hoàn toàn có căn cứ, được chấp nhận cho ly hôn.

- Về con chung: Chị T trình bày vợ chồng chị có 02 con chung là Đỗ Hoàng Linh, sinh ngày 09/04/2011 và Đỗ Hoàng Hải, sinh ngày 14/10/2015. Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ không đến Tòa án làm việc nên không lấy được lời khai của anh Đ về con chung. Còn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến khi thành niên lao động tực túc được. Tòa án xác minh thông tin về con chung của vợ chồng chị T, anh Đ thì được đại diện chính quyền địa phương cho biết sau khi xảy ra mâu thuẫn, chị T chuyển nhà ra ở riêng thì hiện nay hai con chung đang ở với mẹ là chị T ở khu 5, phường H, thành phố V, tỉnh T Nguyện vọng của cháu Linh và cháu Hải đều mong muốn được ở cùng mẹ. Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Linh và cháu Hải, Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho chị Hoàng Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị T không trái đạo đức xã hội và không vi phạm pháp luật nên được chấp nhận. Chị T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Mặc dù chị T trình bày không có nhưng do anh Đ vắng mặt không có lời khai nên không xác định được khối tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp trong thời kỳ hôn nhân của chị T, anh Đ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này, trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác nếu có yêu cầu.

[3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238;

Điều 271; Điều 273; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T về việc "Ly hôn".

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Đỗ Quốc Đ.

3. Về con chung: Giao 02 (hai) con chung là Đỗ Hoàng Linh, sinh ngày 09/04/2011 và Đỗ Hoàng Hải, sinh ngày 14/10/2015 cho chị Hoàng Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Anh Đỗ Quốc Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Hoàng Thị T. Chị T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

4. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Hoàng Thị T xác định vợ chồng không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003154 ngày 15/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh T

6. Chị T, anh Đ vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND TP. V, T. P;
- Chi cục THADS TP. V, T. P;
- UBND P. D, TP. V, T. P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị H